

Bản án số: 20/2018/DS-ST
Ngày: 07/9/2018
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng sử dụng
thẻ tín dụng*”.

1. HÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Cẩn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Bích Thủy.
2. Bà Trần Thị Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế:
Ông Dương Phước An, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế (địa chỉ: 60 Nguyễn Huệ, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2017/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2017 về “*Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 672/2018/QĐST-DS, ngày 21 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S;

Địa chỉ: 266-268 đường N, phường 8, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu P, chức vụ: Giám đốc Trung tâm thẻ Ngân hàng thương mại cổ phần S (theo Giấy ủy quyền số: 4213/2017/GUQ-PL ngày 28/12/2017 của Tổng giám đốc).

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Đăng H, chức vụ: Nhân viên Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Thừa Thiên Huế (Theo giấy ủy quyền số: 1098/2018/UQ-TTT ngày 02/01/2018 của Giám đốc Trung tâm thẻ);

Địa chỉ: 126 đường N, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Châu Thị H, sinh năm 1961;

Địa chỉ: 1/7 đường H, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/11/2017, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người được ủy quyền lại của nguyên đơn ông Nguyễn Đăng H trình bày: Ngày 20/06/2016, bà Châu Thị H có ký với Trung Tâm Thẻ Ngân hàng TMCP S hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Châu Thị H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 40.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Bà Châu Thị H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 40.754.406 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Châu Thị H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 5.000.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng bà Châu Thị H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Châu Thị H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 01/02/2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến hết ngày 07/09/2018, bà Châu Thị H còn nợ gốc: 43.881.205, lãi quá hạn: 32.033.568, tổng cộng là: 75.914.773 đồng (Bảy mươi lăm triệu chín trăm mười bốn nghìn bảy trăm bảy mươi ba đồng).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với khách hàng bà Châu Thị H, yêu cầu bà Châu Thị H có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để khách hàng trả nợ, tuy nhiên bà Châu Thị H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại các Hợp đồng đã ký với Ngân hàng. Theo quy định của Ngân hàng:

Kỳ sao kê được tính từ ngày 31 tháng này đến 31 tháng sau, hàng tháng Ngân hàng sẽ gửi sao kê này về cho khách hàng theo địa chỉ do khách hàng cung cấp, trên đó có dư nợ đầu kỳ, cuối kỳ, các khoản phát sinh trong kỳ và thông báo cho khách hàng số tiền thanh toán tối thiểu.

* Số tiền thanh toán tối thiểu: Là số tiền tối thiểu được ghi trên thông báo giao dịch hàng tháng mà khách hàng phải thanh toán.

* Cách tính: Số tiền thanh toán tối thiểu = (Dư nợ không bao gồm số tiền vượt hạn mức x tỷ lệ %) + số tiền thanh toán tối thiểu tháng trước (nếu có) + số tiền vượt hạn mức (nếu có);

Tỷ lệ cụ thể là 5%, tối thiểu 100.000đ.

* Phí chậm thanh toán: Phát sinh 1 lần trong 1 kỳ thông báo giao dịch nếu khách hàng không thanh toán hoặc thanh toán ít hơn số tiền tối thiểu vào hoặc trước ngày đến hạn.

* Cách tính: Phí chậm thanh toán = Số tiền thanh toán tối thiểu x tỷ lệ %;

Tỷ lệ cụ thể là 6% trên số tiền chậm thanh toán, tối thiểu 80.000đ;

Tổng số tiền chậm thanh toán của bà Châu Thị H là: 1.639.728 đồng.

* Phí vượt hạn mức: phát sinh khi dư nợ vượt hạn mức tín dụng được cấp.

Cách tính: Phí vượt hạn mức = Số tiền vượt x tỷ lệ % x số ngày vượt;

Tỷ lệ cụ thể là 0.075%/ngày tối thiểu 50.000đ.

Tổng số tiền vượt hạn mức của bà Châu Thị H là: 202.111 đồng.

* Dư nợ gốc: Là tất cả các khoản nợ được thể hiện trên thông báo giao dịch gồm: Giao dịch rút tiền mặt, giao dịch tương đương rút tiền mặt, giao dịch mua hàng hóa, phí, và những khoản nợ khác trên tài khoản theo Điều 1.9 tại Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S.

* Cách tính: Dư nợ cuối kỳ = Dư nợ đầu kỳ + Số tiền giao dịch + Phí + Lãi – Số tiền thanh toán.

Dư nợ gốc của bà Châu Thị H = 42.143.864 + 602.018 + 1.073.212 + 52.111 + 10.000 = 43.881.205 đồng.

* Nguyên tắc tính lãi:

* Lãi trong hạn: Ngân hàng TMCP S đã tính khoản nợ lãi trong hạn đối với bà Châu Thị H từ ngày 31/07/2016 đến ngày 31/01/2017 theo Điều 1.31 tại Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S và theo Thông báo số 314/TB-TTT ngày 22/05/2012 về việc thay đổi lãi suất Thẻ tín dụng là 2.5%/tháng, thời điểm áp dụng là: 23/05/2012. Lãi suất sẽ được tính lãi từ ngày phát sinh giao dịch cho đến ngày khách hàng thực hiện thanh toán đầy đủ toàn bộ số tiền. Lãi suất được công bố trên Trang Website: Sbank.com.vn và tại các điểm giao dịch của Sbank.

Cách tính: Tiền lãi = Số tiền phát sinh x Lãi suất tháng /30 x số ngày phát sinh.

Tổng Lãi trong hạn của bà Châu Thị H từ ngày 31/07/2016 đến ngày 31/01/2017 là: 6.274.960 đồng.

* Lãi quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn.

Lãi quá hạn áp dụng cho bà Châu Thị H được tính từ ngày 01/02/2017 là ngày Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ gốc còn thiếu sang nợ quá hạn đến thời điểm bà Châu Thị H trả hết toàn bộ nợ vay cho Ngân hàng. Cụ thể là: 2.5% x 150% = 3.75%/ tháng.

* Cách tính: Tiền lãi quá hạn = Dư nợ gốc x lãi suất quá hạn/30 x số ngày quá hạn.

Cụ thể tiền lãi của bà Châu Thị H tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (07/09/2018) là: 43.881.205 x 3.75%/30 x 584 = 32.033.568 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bà Châu Thị H phải trả cho Ngân hàng tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 07/9/2018 là: 32.033.568 + 43.881.205 = 75.914.773 đồng.

Vì vậy, Ngân hàng thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Bà Châu Thị H phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số nợ gốc và lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm 07/9/2018 là 75.914.773 đồng (trong đó nợ gốc 43.881.205 đồng, nợ lãi quá hạn 32.033.568 đồng) và lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký kết.

Sau khi thụ lý vụ án, ngày 13/12/2017, Toà án đã có thông báo thụ lý vụ án số: 206/2017/TB-TLVA và đã niêm yết thông báo thụ lý và Giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải kể cả Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa để Bà Châu Thị H là bị đơn trong vụ án đến Toà án để làm việc, tham gia tố tụng, nhưng bà H cũng không đến Toà án để trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa hôm nay, bà H vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Xét thấy: Toà án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đối với bị đơn nhưng bà H vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, là thuộc trường hợp cố tình vắng mặt, gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn từ khi thụ lý vụ án, bị đơn được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt là vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do và không vì sự kiện bất khả kháng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 58, Điều 262, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 280, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S buộc bà Châu Thị H phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc tính đến ngày xét xử sơ thẩm 07/9/2018 là 43.881.205đồng, lãi quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng là 32.003.568đồng. Tổng cộng là 75.914.773đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, nếu bà Châu Thị H không thanh toán đầy đủ số tiền nói trên thì còn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng khoản tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết của số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thi hành xong.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Châu Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Châu Thị H là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và

khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S, thấy rằng: Ngày 20/6/2016, bà Châu Thị H có ký với Trung tâm thẻ Ngân hàng thương mại cổ phần S (Sbank) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ vào thu nhập của bà Châu Thị H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 40.000.000đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng bà Châu Thị H đã thực hiện các giao dịch đến ngày 31/7/2016 với tổng số tiền 40.754.406đồng, nên bà H phải chịu thêm tiền lãi 169.810đồng, phí vượt hạn mức 50.000đ, do đó số dư cuối kỳ của bà H là 40.974.216đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà Châu Thị H, yêu cầu bà Châu Thị H có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để khách hàng trả nợ, tuy nhiên bà Châu Thị H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các Điều khoản đã quy định tại các Hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng.

- Đến ngày 31/8/2016 bà H còn dư nợ đầu kỳ 40.974.216đồng, bà H còn phải chịu thêm phí trễ hạn 178.453đồng, lãi 1.053.410đồng, phí vượt hạn mức 50.000đồng, do bà H đã thanh toán 3.000.000đồng, nên số dư nợ cuối kỳ còn lại 39.256.079đồng.

- Đến ngày 30/9/2016 bà H còn dư nợ đầu kỳ 39.256.079đồng, bà H còn chịu thêm phí trễ hạn 117.768đồng, lãi 972.705đồng, do bà H đã thanh toán 2.000.000đồng, nên số dư nợ cuối kỳ còn lại 38.346.552đồng.

- Đến ngày 31/10/2016 bà H còn dư nợ đầu kỳ 38.346.552đồng, bà H còn chịu thêm phí trễ hạn 115.040đồng, lãi 987.078đồng, như vậy số dư nợ cuối kỳ 39.448.670đồng.

- Đến ngày 30/11/2016 bà H còn dư nợ đầu kỳ 39.448.670đồng, bà H còn phải chịu thêm phí trễ hạn 233.386đồng, lãi 979.238đồng, như vậy số dư nợ cuối kỳ 40.661.294đồng.

- Đến ngày 31/12/2016 bà H còn dư nợ đầu kỳ 40.661.294đồng, bà H còn phải chịu thêm phí trễ hạn 393.063đồng, lãi 1.039.507đồng, phí vượt hạn mức 50.000đồng, như vậy số dư nợ cuối kỳ 42.143.864đồng.

- Đến ngày 31/01/2017 bà H còn dư nợ đầu kỳ 42.143.864đồng, bà H còn phải chịu thêm phí trễ hạn 602.018đồng, lãi 1.073.212đồng, phí vượt hạn mức 52.111đồng, phí thông báo giao dịch 10.000đồng, như vậy số dư nợ cuối kỳ 43.881.205đồng.

Do bà Châu Thị H vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ gốc 43.881.205đồng sang nợ quá hạn.

Như vậy, từ ngày 01/02/2017 đến ngày 07/9/2018 bà Châu Thị H còn nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền nợ gốc 43.881.205đồng, nợ lãi quá hạn 32.033.568đồng (3.75%). Tổng cộng cả nợ gốc và lãi là: 75.914.773đồng.

Từ những nhận định trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Châu Thị H phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S toàn bộ số nợ gốc 43.881.205đồng, nợ lãi quá hạn đến ngày xét xử sơ thẩm 07/9/2018 là: 32.033.568đồng. Tổng cộng cả nợ gốc và lãi là: 75.914.773đồng (Bảy mươi lăm triệu chín trăm mười bốn nghìn bảy trăm bảy mươi ba đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 08/9/2018 cho đến khi bà Châu Thị H trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng đã ký kết là có căn cứ đúng pháp luật, cần chấp nhận. Buộc bà Châu Thị H phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số nợ gốc 43.881.205đồng, nợ lãi quá hạn 32.033.568đồng. Tổng cộng cả nợ gốc và lãi là: 75.914.773đồng (Bảy mươi lăm triệu chín trăm mười bốn nghìn bảy trăm bảy mươi ba đồng).

[3] Về án phí:

- Buộc bà Châu Thị H phải chịu 75.914.773đồng x 5% = 3.795.738đồng (Ba triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm ba mươi tám đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu án phí, nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 1.200.000đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) mà Ngân hàng thương mại cổ phần S đã nộp theo biên lai thu tiền số: 003357, ngày 07/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 280, 463, 466, 467, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S, buộc bà Châu Thị H phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S toàn bộ số nợ gốc và lãi là: 75.914.773đồng (Bảy mươi lăm triệu chín trăm mười bốn nghìn bảy trăm bảy mươi ba đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (08/9/2018) bà Châu Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí:

- Buộc bà Châu Thị H phải chịu 3.795.738đồng (Ba triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm ba mươi tám đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 1.200.000đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) mà Ngân hàng thương mại cổ phần S đã nộp theo biên lai thu tiền số: 003357, ngày 07/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Án sơ thẩm xét xử công khai nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND TP Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dán;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Trọng Cẩn

